

THỰC TRẠNG THÍCH ỨNG VỚI MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Lê Thị Cẩm Lệ¹

Ngày nhận bài: 27/6/2024; Ngày phản biện thông qua: 22/8/2024; Ngày duyệt đăng: 23/8/2024

TÓM TẮT

Bài viết này nhằm mục đích phân tích thực trạng thích ứng (TU) với môi trường học tập (MTHT) của sinh viên (SV) năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên. Để thực hiện nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành khảo sát 269 SV năm thứ nhất đang học tại khoa Sư phạm theo phương pháp chọn mẫu tổng thể. Kết quả cho thấy, SV năm thứ nhất TU với MTHT ở 2 mức: trung bình và cao theo 5 mặt của cấu trúc thành phần.

Từ khóa: Thích ứng, môi trường học tập, sinh viên năm thứ nhất, Trường Đại học Tây Nguyên.

1. MỞ ĐẦU

TU trong môi trường mới là một quá trình vận động có nhiều sự thay đổi về mặt nhận thức, thái độ, hành vi và đòi hỏi năng lực, kỹ năng nhất định của mỗi cá nhân và là một yếu tố hết sức quan trọng giúp cá nhân có thể tồn tại và phát triển một cách tối ưu trước những biến đổi, yêu cầu của môi trường sống. Đối với SV năm thứ nhất, bước vào cánh cổng đại học đồng nghĩa với việc các em bước vào MTHT mới, với bạn bè mới, tập thể mới, thầy cô mới và những nội quy, quy định của nhà trường đại học có sự khác biệt rất lớn so với ở trường phổ thông. Điều này làm ảnh hưởng đến việc học tập và rèn luyện của các em. Sự TU tốt giúp SV năm thứ nhất hòa nhập nhanh chóng vào MTHT mới, tạo ra sự thoải mái và lạc quan, kích thích khả năng học tập trong suốt những năm đại học. Mặt khác, TU còn giúp SV năm thứ nhất có cơ hội tham gia nhiều hoạt động thú vị, rèn luyện những kỹ năng thiết thực khác, hoàn thiện bản thân mình hơn, từ đó đảm bảo mục tiêu cũng như chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Bài viết tập trung làm rõ thực trạng TU với MTHT của SV năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong bài báo này chúng tôi sử dụng các nhóm phương pháp nghiên cứu sau:

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận: Tổng hợp, phân tích, khái quát các tài liệu có liên quan đến năng lực TU với MTHT của SV. Trên cơ sở đó hệ thống được các khái niệm liên quan: TU; MTHT; TU với MTHT và xác định cấu trúc thành phần của TU với MTHT.

- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Chúng tôi xây dựng mẫu phiếu điều tra và tiến hành khảo

sát tổng thể 269 SV năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên. Thời gian khảo sát: Học kì 1 năm học 2023 – 2024.

+ Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi sử dụng phần mềm Excel, SPSS để xử lý số liệu điều tra.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lý luận nghiên cứu thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất

3.1.1. Các khái niệm

a. Thích ứng

Theo chúng tôi, thích ứng là quá trình tương tác tích cực giữa con người với môi trường tự nhiên - xã hội, trong đó con người làm quen, tiếp nhận các yếu tố của môi trường, điều chỉnh cảm xúc, lĩnh hội kinh nghiệm và phương thức hành vi mới, nỗ lực khắc phục khó khăn nhằm đáp ứng các yêu cầu mới của hoạt động để tiến hành có hiệu quả.

b. Môi trường học tập

Theo chúng tôi, môi trường học tập là nơi diễn ra hoạt động học tập, bao gồm sự tổng hòa của những yếu tố vô hình và hữu hình, những yếu tố thuộc về vật chất và những yếu tố phi vật chất thuộc về tinh thần, cảm xúc cùng mối quan hệ giữa chúng tạo nên sự tác động đến quá trình dạy và học của người dạy và người học.

c. Thích ứng với môi trường học tập

Xuất phát từ 2 định nghĩa trên, theo chúng tôi, thích ứng với môi trường học tập là khả năng sinh viên vận dụng tri thức, kinh nghiệm nhằm điều chỉnh (thay đổi) nội dung, phương thức hoạt động và giao tiếp của bản thân một cách tích cực, chủ động nhằm đáp ứng hiệu quả những yêu cầu, đòi hỏi của môi trường học tập mới.

3.1.2. Cấu trúc thành phần của thích ứng với môi trường học tập

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Lê Thị Cẩm Lệ; ĐT: 0965368702; Email: licle@ttn.edu.vn.

Dựa trên các nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Dung, Lê Ngọc Hòa, Nguyễn Minh Châu chúng tôi đưa ra cấu trúc thành phần thích ứng với môi trường học tập của sinh viên như sau:

- *Nhận biết được yêu cầu mới ở MTHT đại học (xác định được vấn đề cần thích ứng):* Khi SV chuyển tiếp từ môi trường phổ thông lên môi trường đại học, đề TU được với MTHT mới thì trước hết, SV phải xác định được những vấn đề, những hoàn cảnh mới cần phải TU. Chúng tôi gọi những vấn đề, những hoàn cảnh này là hoàn cảnh có vấn đề. Hoàn cảnh có vấn đề là những hoàn cảnh chưa từng xuất hiện trong vốn kinh nghiệm của SV nhưng hiện tại, SV buộc phải trải nghiệm. Việc không nhận diện được hoàn cảnh có vấn đề trong MTHT mới khiến cho nhiều SV mất phương hướng, không biết bắt đầu từ đâu. Theo đó, xác định vấn đề là một vấn đề quan trọng trong TU của SV. Xác định vấn đề chính là khả năng nhận diện được những mâu thuẫn, hạn chế của bản thân so với những đòi hỏi, yêu cầu của MTHT.

- *Nhận biết được các yếu tố của bản thân SV hiện có (tự đánh giá bản thân):* SV phải tự đánh giá, so sánh, đối chiếu để nhận ra điểm mạnh, điểm yếu, sở trường, sở đoản, tính cách, năng lực, nguồn lực (vật chất, tinh thần) của mình để có cơ sở điều chỉnh những khác biệt, mâu thuẫn, từ đó đáp ứng được các yêu cầu mới cần giải quyết.

- *Xác định được mối quan hệ thiếu hụt giữa có (của bản thân) và cần (của MTHT):* Sau khi phân tích được MTHT cần và tự đánh giá về năng lực của bản thân, SV phải nhận biết được tiềm lực cũng như hạn chế của bản thân đặc biệt là mặt hạn chế, thiếu hụt như về phương pháp học tập ở đại học, tìm kiếm thông tin học thuật, tìm kiếm sự trợ giúp, kết giao bạn bè trong học tập, khả năng nghiên cứu khoa học, thực hành, thực tế hóa nội dung chuyên môn.

- *Tìm kiếm giải pháp để TU với MTHT:* Tìm giải pháp đóng vai trò quan trọng trong việc thích ứng với MTHT của SV. Nếu SV không tìm ra những biện pháp, phương pháp giải quyết hài hòa những mâu thuẫn, đòi hỏi của MTHT đối với bản thân thì chắc chắn SV sẽ không trụ được. Sau khi xác định, nhận diện hoàn cảnh có vấn đề, hoàn cảnh mới phải thích ứng, SV dựa trên những tri thức, kinh nghiệm của bản thân vạch ra cách thức, phương pháp phù hợp để giải quyết, TU với hoàn cảnh. Để việc tìm kiếm giải pháp đạt hiệu quả cao, SV cần:

Một là xác định rõ mục tiêu cần giải quyết. Để giải quyết một hoàn cảnh có vấn đề có nhiều cách thức, phương thức, mức độ khác nhau. Tuy nhiên, SV cần lựa chọn những mục tiêu cụ thể, trước

mắt phải đạt được. Việc xác định rõ mục tiêu sẽ giúp SV không bị lệch hướng trong học tập và rèn luyện. Vì giải pháp không phải là giải pháp chung chung mà nó phải bám sát một mục tiêu, một vấn đề cụ thể nào đó.

Hai là dựa trên cơ sở tìm kiếm các nguồn lực hỗ trợ. Một vấn đề bao giờ cũng là kết quả đan xen của nhiều mối quan hệ, do vậy muốn tìm ra giải pháp tối ưu, SV cần tham khảo nhiều nguồn thông tin, nguồn hỗ trợ khác nhau. Trong môi trường đại học, SV có thể tham khảo ý kiến, tranh thủ sự giúp đỡ từ rất nhiều nguồn khác nhau như gia đình, người thân, thầy cô, cố vấn học tập, SV khóa trước, bạn cùng khóa, cùng ký túc xá, người kinh doanh dịch vụ, các hội, đoàn, nhóm hoặc từ internet.

Ba là cân nhắc lựa chọn cách thức, phương pháp, nguồn hỗ trợ một cách hợp lý. Lời khuyên, sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài phần nhiều mang tính chất tham khảo, SV kết hợp với thực tế bản thân xác định một giải pháp tối ưu. Điều này giúp SV phát huy tối đa khả năng thích ứng do kết hợp được cả hai yếu tố: nội lực và ngoại lực.

- *Thực hiện hành động TU với MTHT (giải quyết vấn đề):* Đây là khâu quyết định trong quá trình TU với MTHT của SV. Việc tìm ra giải pháp có hữu ích, hợp lý nhưng nếu người SV không thực hiện hoặc thực hiện không đến cùng thì chắc chắn không mang lại hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, SV sẽ phải đối mặt với những khó khăn thực tế xuất phát từ hoàn cảnh cũng như từ bản thân đòi hỏi họ phải nỗ lực khắc phục, tự điều chỉnh vượt qua. Điều này có nghĩa là bước đầu SV đã TU được với MTHT. Việc thực hiện thành công giải pháp cũng đồng nghĩa với việc hình thành, củng cố, bồi dưỡng ở SV những phẩm chất, kỹ năng sống mới phù hợp với MTHT. Tuy nhiên, để hoàn toàn thích ứng, SV phải tái thực thi các hành động nhiều lần đến mức độ thành thục và trở thành thói quen. Đạt được mức độ này, thì dù môi trường có thay đổi, hoặc yêu cầu cao hơn thì SV vẫn có thể thích ứng được.

3.2. Thực trạng thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên

3.2.1. Thông số thang đo và quy đổi điểm trung bình

Thang đo được xây dựng dựa trên thang đo 5 mức của Likert. Câu trả lời được thể hiện qua 5 đáp án giảm dần từ cao xuống thấp, tương ứng với thang điểm từ 5 xuống 1 và quy ước điểm theo các mức:

Mức 1. Rất thấp, điểm trung bình (ĐTB) từ 1 điểm đến 1.79 điểm;

Mức 2. Thấp, ĐTB từ 1.8 điểm đến 2.59 điểm;
 Mức 3. Trung bình, ĐTB từ 2.6 điểm đến 3.39 điểm;
 Mức 4. Cao, ĐTB từ 3.4 điểm đến 4.19 điểm;
 Mức 5. Rất cao, ĐTB từ 4.2 điểm đến 5 điểm.

3.2.2. Đặc điểm mẫu khảo sát

Dữ liệu được thu thập từ 269 phiếu khảo sát, trong đó có 240 nữ chiếm 89,2%, còn lại 29 nam

chiếm 10,8%. Điều này cho thấy có sự chênh lệch khá lớn về giới tính của sinh viên năm thứ nhất khoa Sư phạm. Chênh lệch là do SV của khoa Sư phạm chủ yếu tập trung ở các ngành sư phạm (81%) và Văn học (19%), đặc điểm đăng kí học các ngành này chủ yếu là nữ. Về yếu tố dân tộc, hơn một nửa số SV năm thứ nhất là người dân tộc thiểu số chiếm 54,3%. Tỷ lệ SV năm thứ nhất sống ở vùng nông thôn khá cao, lên đến 85,5%.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Tiêu chí	Thuộc tính	Tần số	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	29	10,8
	Nữ	240	89,2
Dân tộc	Kinh	123	45,7
	Dân tộc thiểu số	146	54,3
Chuyên ngành	Giáo dục Tiểu học	91	33,8
	Giáo dục Mầm non	93	34,6
	Giáo dục Thể chất	15	5,6
	Sư phạm Ngữ văn	19	7,1
	Văn học	51	19,0
Nơi sinh sống trước khi học đại học	Nông thôn	230	85,5
	Thành thị	39	14,5

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

3.2.3. Thực trạng mức độ thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất khoa Sư phạm, trường Đại học Tây Nguyên

a. Thực trạng nhận biết được yêu cầu mới ở môi trường học tập đại học (xác định được vấn đề cần thích ứng) của sinh viên năm thứ nhất

Kết quả Bảng 2 cho thấy, điểm TB chung của mức độ nhận biết được yêu cầu mới ở MTHT đại học (xác định được vấn đề cần thích ứng) là 3,06 trong mức trung bình so với điểm chuẩn, con số này nói lên rằng, SV năm thứ nhất khoa Sư phạm trường Đại học Tây Nguyên nhận thức tương đối rõ về các yêu cầu học tập ở môi trường đại học. Cụ thể ở nội dung “Phương pháp học tập chủ động”

được nhận biết ở mức độ cao (3,43), điều này chứng tỏ các em thường xuyên tìm hiểu và được cung cấp thông tin về phương pháp học tập ở đại học. Tuy nhiên, ở nội dung “Học thuật kiểm chứng bằng khoa học” thì SV năm thứ nhất nhận biết còn khá thấp, điểm TB là 2,68. Con số này cho thấy, những hoạt động liên quan đến nghiên cứu khoa học của SV năm thứ nhất chưa được phổ biến, và nói đến nghiên cứu khoa học với các em còn rất mờ nhạt. Các nội dung “Tổng hợp các nội dung học thuật đa dạng”, “Thực tế hóa nội dung chuyên môn” và “Tập trung năng lực thực hành” SV năm thứ nhất lại bày tỏ mức độ nhận biết ở mức 2,97; 3,00 và 3,24 ở mức trung bình so với điểm chuẩn.

Bảng 2. Nhận biết của SV về yêu cầu học tập ở đại học

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
			1	2	3	4	5
Phương pháp học tập chủ động	3,43	0,851	0,0	11,9	44,6	31,6	11,9
Tổng hợp các nội dung học thuật đa dạng	2,97	0,830	3,7	21,2	53,5	17,8	3,7
Tập trung năng lực thực hành	3,24	0,789	0,4	15,6	49,1	29,7	5,2
Thực tế hóa nội dung chuyên môn	3,00	0,912	4,1	23,0	48,3	18,2	6,3
Học thuật kiểm chứng bằng khoa học	2,68	0,967	11,2	29,4	44,6	10,0	4,8
ĐTB	3,06 (Mức: Trung bình)						

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

b. *Thực trạng nhận biết được các yếu tố của bản thân sinh viên năm thứ nhất hiện có (tự đánh giá bản thân)*

Bảng 3. Thực trạng tự đánh giá của bản thân SV

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
			1	2	3	4	5
Tính trách nhiệm	3,96	0,771	0,0	1,9	26,4	46,1	25,7
Năng lực sáng tạo	3,45	0,839	10,4	10,4	46,1	31,2	12,3
Khả năng tự tạo động lực	3,58	0,880	0,4	8,9	39,8	34,6	16,4
Khả năng hoạt ngôn	3,46	0,874	0,4	10,4	45,7	29,4	14,1
Tính kỷ luật	3,75	0,881	0,4	5,6	34,9	36,4	22,7
Khả năng nhận diện nguồn lực giúp đỡ	3,45	0,856	2,2	7,8	42,4	37,9	9,7
ĐTB	3,60 (Mức: Cao)						

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

Số liệu Bảng 3 cho thấy mức độ tự đánh giá bản thân của SV năm thứ nhất đạt mức cao (ĐTB 3,60). Phương án được SV tự đánh giá cao nhất là “*Tính trách nhiệm*” và “*Tính kỷ luật*” lần lượt là 3,96 và 3,75. Các phương án còn lại ĐTB khá

tương đồng từ 3,45 đến 3,58. Như vậy, SV năm thứ nhất đã nhận thức rõ khả năng của bản thân SV.

c. *Thực trạng Xác định mối quan hệ thiếu hụt giữa có (của bản thân) và cần (của môi trường học tập)*

Bảng 4. Mức độ xác định mối quan hệ thiếu hụt giữa có và cần của SV

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
			1	2	3	4	5
Nhận diện được sự thiếu hụt về khả năng đáp ứng phương pháp học tập ở đại học của bản thân	3,48	0,822	1,5	7,8	40,9	40,9	8,9
Thấy được sự thiếu hụt về khả năng tìm kiếm thông tin học thuật	3,28	0,898	3,3	13,0	43,1	33,5	7,1
Biết được sự thiếu hụt về khả năng tìm kiếm sự trợ giúp	3,32	0,855	1,9	13,4	42,8	35,3	6,7
Nhận thức sự thiếu hụt về năng lực kết giao bè bạn trong học tập	3,36	0,851	2,2	11,2	41,3	38,7	6,7
Nhận diện sự thiếu hụt về cách thức thực hiện thực tế hóa nội dung chuyên môn	3,23	0,818	3,0	10,8	51,7	29,7	4,8
ĐTB	3,33 (Mức: Trung bình)						

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

Bảng 4 trên cho thấy việc xác định mối quan hệ thiếu hụt giữa có và cần của SV năm thứ nhất ở mức trung bình với ĐTB là 3,33. Theo đó, phương án “*Nhận diện được sự thiếu hụt về khả năng đáp ứng phương pháp học tập ở đại học của bản thân*” ghi nhận cao nhất (ĐTB 3,48), điều này tỉ lệ thuận với thực trạng nhận biết phương pháp học tập chủ động của SV năm nhất ở Bảng 4. Đứng thứ hai là phương án “*Nhận thức sự thiếu hụt về năng lực kết giao bè bạn trong học tập*” (ĐTB 3,36), như vậy SV năm thứ nhất thấy được sự hạn chế trong việc thiết lập các mối quan hệ với bạn bè do các em

đến từ nhiều vùng miền, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau. Tuy nhiên, phương án “*Nhận diện sự thiếu hụt về cách thức thực hiện thực tế hóa nội dung chuyên môn*” thấp hơn hẳn so với các phương án khác (ĐTB 3,23). Lí giải về điều này là do chương trình đào tạo các ngành của Khoa Sư phạm ở học kì 1 và học kì 2 của năm thứ nhất bố trí chủ yếu là học phần đại cương (Tiếng anh, Giáo dục thể chất, Triết học Mác – Lênin), số tín chỉ lí thuyết nhiều trong khi đó còn ít học phần thực hành chuyên ngành.

d. *Thực trạng tìm kiếm giải pháp để thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất*

Bảng 5. Thực trạng tìm kiếm giải pháp để thích ứng với MTHT của SV năm nhất

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
			1	2	3	4	5
Tìm hiểu những yêu cầu cần thiết của vấn đề gặp phải	3,58	0,828	1,1	8,2	33,1	47,2	10,4
Xác định được mục tiêu trong từng thời điểm nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của MTHT	3,61	0,782	0,4	5,6	38,7	43,5	11,9
Định vị mức độ và tính cấp bách của từng vấn đề	3,46	0,848	1,9	10,4	34,6	45,7	7,4
Tự tìm cách giải quyết thông qua các nguồn Internet	3,80	0,859	0,4	7,4	24,5	47,6	20,1
Hỏi ý kiến người thân trong gia đình	3,59	0,972	1,1	11,9	33,8	33,5	19,7
Tìm kiếm sự hỗ trợ của Cố vấn học tập	3,27	0,917	1,5	18,6	40,1	30,9	8,9
Tâm sự về khó khăn, khúc mắc với anh chị SV đi trước	3,11	1,027	5,9	22,3	33,8	30,5	7,4
Tìm kiếm sự giúp đỡ từ cán bộ Đoàn, Hội, các phòng ban liên quan	2,91	1,044	10,0	23,4	37,5	23,4	5,6
ĐTB	3,41 (Mức: Cao)						

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

Bảng 5 cho thấy, xét về nhóm giải pháp từ bản thân SV gồm 3 phương án “Tìm hiểu những yêu cầu cần thiết của vấn đề gặp phải”, “Xác định được mục tiêu trong từng thời điểm nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của môi trường học tập” và “Định vị mức độ và tính cấp bách của từng vấn đề” đều ở mức độ cao so với điểm chuẩn.

Xét về nhóm giải pháp tìm kiếm hỗ trợ, để tìm kiếm hỗ trợ giải quyết vấn đề cần phải thích ứng ở MTHT đại học, phương án được SV thực hiện nhiều nhất là “Tự tìm cách giải quyết thông qua các nguồn Internet” đạt mức cao so với điểm chuẩn,

ĐTB 3,80. Phương án “Tìm kiếm sự hỗ trợ của Cố vấn học tập”, “Tâm sự về khó khăn, khúc mắc với anh chị SV đi trước” và “Tìm kiếm sự giúp đỡ từ cán bộ Đoàn, Hội, các phòng ban liên quan” đạt mức trung bình so với điểm chuẩn ĐTB lần lượt là 3,27; 3,11 và 2,91. Có thể thấy rằng cố vấn học tập, SV khóa trên hay cán bộ Đoàn, phòng ban ở Trường Đại học Tây Nguyên là những đối tượng khá là mới đối với SV năm nhất nên các em ngại hỏi.

e. Thực trạng thực hiện hành động thích ứng với môi trường học tập (giải quyết vấn đề) của sinh viên năm thứ nhất

Bảng 6. Thực trạng thực hiện các hành động thích ứng của SV

Nội dung	ĐTB	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
			1	2	3	4	5
Phân tích tiềm năng phát triển từ nội lực bản thân	3,38	0,880	0,4	14,9	42,0	32,0	10,8
Phân tích các nguồn lực có thể hỗ trợ	3,28	0,905	1,9	17,5	39,8	33,1	7,8
Hoạch định cách thức triển khai đề xuất sự hỗ trợ	3,12	1,009	7,4	16,0	40,5	29,0	7,1
Xác định mục tiêu mong muốn trước khi nhờ sự giúp đỡ	3,64	0,843	0,4	8,9	31,2	45,7	13,8
Tự điều chỉnh năng lực bản thân	3,80	0,801	0,0	5,6	27,5	48,7	18,2
Tự điều chỉnh chiến lược thực hiện	3,70	0,803	0,0	7,1	30,9	47,6	14,5
Tự điều chỉnh mục tiêu	3,74	0,802	0,4	4,5	33,1	45,4	16,7
Tự đánh giá kết quả đạt được	3,79	0,869	0,0	8,2	25,7	45,0	21,2
Tự đánh giá hiệu quả chiến lược	3,60	0,903	1,5	10,4	28,6	45,7	13,8
ĐTB	3,56 (Mức: Cao)						

Nguồn: Kết quả từ dữ liệu nghiên cứu của tác giả.

Bảng 6 cho thấy, ĐTB chung của mức độ thực hiện các hành động TU của SV năm nhất khoa Sư phạm, trường Đại học Tây Nguyên là 3,56 trong

mức cao so với điểm chuẩn. Con số này nói lên rằng SV năm thứ nhất đã thực hiện khá tốt các hành động thích ứng, các em đã nhận thức rõ các

thao tác và ý thức được các thao tác của hành động thích ứng đem lại cho bản thân nhiều thuận lợi trong môi trường mới. Các hoạt động ở mức cao bao gồm “Xác định mục tiêu mong muốn trước khi nhờ sự giúp đỡ”, “Tự điều chỉnh năng lực bản thân”, “Tự điều chỉnh chiến lược thực hiện”, “Tự điều chỉnh mục tiêu”, “Tự đánh giá kết quả đạt được” và “Tự đánh giá hiệu quả chiến lược”. Các hoạt động “Phân tích tiềm năng phát triển từ nội lực bản thân”, “Phân tích các nguồn lực có thể hỗ trợ” và “Hoạch định cách thức triển khai đề xuất sự hỗ trợ” đạt ở mức trung bình theo bảng điểm chuẩn.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã phản ánh thực trạng TU với MTHT của SV năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên. Từ kết quả có thể thấy rằng mức độ thích ứng của SV năm nhất theo

5 mặt của cấu trúc thành phần TU với MTHT chưa đồng đều. Theo đó, mức độ trung bình là các mặt (1) Nhận biết được yêu cầu mới ở MTHT đại học (xác định được vấn đề cần TU), (2) Xác định được mối quan hệ thiếu hụt giữa có (của bản thân) và cần (của MTHT); Mức độ cao là (3) Nhận biết được các yếu tố của bản thân SV hiện có (tự đánh giá bản thân), (4) Tìm kiếm giải pháp để TU với MTHT, (5) Thực hiện hành động thích ứng với MTH (giải quyết vấn đề). Tuy nhiên ĐTB chung của mức cao còn khá khiêm tốn so với thang điểm quy đổi. Đây là cơ sở thực tiễn để tác giả đưa ra các kiến nghị, đề xuất có tính khả thi giúp SV năm thứ nhất khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên sớm khắc phục những khó khăn, TU với MTHT tốt hơn nữa góp phần giúp các em đạt được kết quả học tập và rèn luyện cao ở đại học.

CURRENT SITUATION OF FIRST-YEAR STUDENTS' ADAPTATION TO THE LEARNING ENVIRONMENT IN THE FACULTY OF EDUCATION AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Le Thi Cam Le¹

Received Date: 27/6/2024; Revised Date: 22/8/2024; Accepted for Publication: 23/8/2024

ABSTRACT

This article aims to analyze the current situation of first-year students in the Faculty of Education, Tay Nguyen University, in adapting to the learning environment. To conduct this research, the author surveyed 269 first-year students at the Faculty of Education using the general sampling method. The results show that first-year students adapt to the learning environment at two levels, average and high, according to 5 aspects of the component structure.

Keywords: Adaptation, learning environment, first-year students, Tay Nguyen University.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.
Nguyễn Minh Châu (2012). Kỹ năng thích ứng với môi trường học tập của sinh viên năm thứ nhất trường đại

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Le Thi Cam Le; Tel: 0965368702; Email: ltcle@ttn.edu.vn.

học An ninh nhân dân, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Văn Cường (2011). *Mức độ thích ứng với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ của các nhóm sinh viên người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số B2010–TN03-19, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên.

Nguyễn Thị Kim Dung, Đỗ Thị Thuận (2017). Tiêu chí đánh giá thích ứng nghề nghiệp của sinh viên sư phạm sau tốt nghiệp, *Journal of Science of Hmue*, số 62, 200 – 206.

Lê Ngọc Hòa (2017). *Phát triển năng lực thích ứng nghề của sinh viên trong dạy học ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Văn Hộ (2000). *Thích ứng sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Vũ Thị Nho (2003). *Tâm lý học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.